

Bản án số: 129/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thê

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 21/TB-TA ngày 23/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Long G, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh 1990; địa chỉ cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Lao động tại Qatar – vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Long G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng, trước khi đi đến hôn nhân hai người được tự do tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2012 tại UBND xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2016 thì anh Trần

Long G sang Hàn Quốc để lao động. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc và quan tâm đến nhau nhưng sau một thời gian do khoảng cách địa lý, tính chất công việc bận rộn nên vợ chồng ít khi liên lạc nên tình cảm lạnh nhạt dần. Đến đầu năm 2022, thì anh G và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị T không chịu ở nhà nuôi dạy con cái, vun vén gia đình mà muốn sang nước ngoài để làm ăn. Đến tháng 7/2023, chị T sang lao động tại Qatar và không còn liên lạc về với gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Trần Long G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Nguyễn Thiện N, sinh ngày 26/8/2013; Trần Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/6/2015 và Trần Nguyễn Phúc L, sinh ngày 18/4/2017. Anh Trần Long G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặt khác, do điều kiện công việc nên anh Trần Long G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo và được bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị nhận thay. Quá trình Tòa án xác minh thông tin về chị Nguyễn Thị T thì bà Trần Thị H1 có trình bày hiện nay chị T đang lao động tại Qatar và chị vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình bà. Sau khi gia đình nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi về thì đã thông báo cho chị T được biết. Theo đó, chị T có trao đổi qua điện thoại với gia đình là chị cũng đồng ý ly hôn với anh G và có nguyện vọng giao cả 03 con chung cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về địa chỉ cụ thể của chị T ở Qatar thì bà H1 không biết nên không cung cấp được cho Tòa án nhưng bà có ý kiến đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng để bà H1 thông báo đầy đủ lại cho chị T được biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: Xử cho anh Trần Long G được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Nguyễn Thiện N, sinh ngày 26/8/2013; Trần Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/6/2015 và Trần Nguyễn Phúc L, sinh ngày 18/4/2017 cho anh Trần Long G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Long G phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Long G cung cấp thông tin bị đơn chị Nguyễn Thị T có địa chỉ cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và hiện đang lao động tại nước Qatar. Tại Công văn số 161/QLXNC - Đ1, ngày 20/02/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh H cũng xác nhận thông tin: chị Trần Thị T1 đã xuất ngày 13/7/2023 và chưa thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Trần Long G có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

2. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ tình cảm: Anh Trần Long G và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng và đã thực hiện đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2012 tại UBND xã T, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cùng với khoảng cách địa lý sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T mặc dù không có văn bản trình bày ý kiến của chị về việc ly hôn với anh G nhưng qua trao đổi thông tin với gia đình thì chị cũng không mong muốn vợ chồng hàn gắn mà đồng ý ly hôn với anh G.

Xét về tình cảm vợ chồng hiện nay giữa anh Trần Long G và chị Nguyễn Thị T thấy rằng: Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nhưng cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong khi đó anh G xác định không còn tình cảm và không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị T.

Từ yêu cầu của đương sự và trên cơ sở tình trạng hôn nhân thực tế của anh Trần Long G và chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Long G đối với chị Nguyễn Thị T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh Trần Long G và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Trần Nguyễn Thiện N, sinh ngày 26/8/2013; Trần Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/6/2015 và Trần Nguyễn Phúc L, sinh ngày 18/4/2017 hiện đang được anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Đối với cháu Trần Nguyễn Thiện N, Trần Nguyễn Hoàng Q và Trần Nguyễn Phúc L đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Trần Long G. Đối với chị Nguyễn Thị T hiện nay chị đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Xét thấy, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như xáo trộn cuộc sống của các con nên cần giao cả 03 con chung cho anh Trần Long G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] .Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Long G được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Thiện N, sinh ngày 26/8/2013; Trần Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/6/2015 và Trần Nguyễn Phúc L, sinh ngày 18/4/2017 cho anh Trần Long G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và chị có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Long G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh G đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002790342 ngày 23/01/2025 qua số tài khoản 3949.0.1055068 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thạch Kim;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền